TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **235/**2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 16 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1990;
Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện S, tỉnh A.
- Bà Mai Thị N, sinh năm 1991;
Nơi cư trú: X Lô M, Chung cư S, Phường M, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/6/2022, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc K và bà Mai Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Quốc K và bà Mai Thị N xác định có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Quốc H, sinh ngày 02/3/2016 và Nguyễn Mai Thiên P, sinh ngày 12/01/2019. Hai bên thỏa thuận: Giao con chung tên Nguyễn Quốc H cho ông Nguyễn Quốc K trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Nguyễn Mai Thiên P cho bà Mai Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Quốc K và bà Mai Thị N xác nhận không có.

[4] Về lệ phí: Bà Mai Thị N tự nguyện nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc K và bà Mai Thị N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh A cấp ngày 14/9/2015).

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc H cho ông Nguyễn Quốc K trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Nguyễn Mai Thiên P cho bà Mai Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông K, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng ông K, bà N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Quốc K và bà Mai Thị N xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Mai Thị N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà Mai Thị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0008986 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà Mai Thị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Thu Lan